

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ QUÝ IV VÀ LŨY KẾ NĂM 2025

(Dùng cho: Các đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc:

Đơn vị luôn thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao với chất lượng hiệu quả công việc cao, thời gian giải quyết công việc đúng tiến độ và đúng theo quy trình.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc:

Hầu hết phòng, ban đơn vị trực thuộc được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác. Thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X kỳ họp thứ nhất về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan:

Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành tốt chủ trương đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, luôn tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:

+ Số lượng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh: **01**

+ Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: **01**

+ Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: **01**

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số):

Trong đó:

*** Kinh phí được giao tự chủ năm 2025: 53.597,3 triệu đồng**

- Kinh phí năm trước chuyển sang : **1.168,3 triệu đồng** (trong đó Văn phòng sở: 1.111 triệu đồng; cảng vụ đường thủy nội địa: 57,3 triệu đồng)

- Kinh phí giao đầu năm: **52.429 triệu đồng** (trong đó Văn phòng sở: 50.333 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 2.096 triệu đồng)

- Kinh phí giảm tiết kiệm 10% theo nghị định 173/NĐ CP nguồn tự chủ (13-341) số tiền: **274 triệu đồng** (trong đó Văn phòng sở: 251 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 23 triệu đồng)

- Kinh phí giảm điều chuyển về thanh tra tỉnh nguồn tự chủ (13-341) 25 công chức số tiền: **2.904 triệu đồng**

- Kinh phí giảm điều chuyển về Cảng vụ đường thủy nội địa nguồn tự chủ (13-341 09 công chức số tiền: **263 triệu đồng**

* Số kinh phí thực hiện Quý IV/2025: 36.123 triệu đồng (trong đó Văn phòng sở: 35.465 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 658 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 47.194 triệu đồng (trong đó Văn phòng sở: 45.471 triệu đồng, Cảng vụ đường thủy nội địa: 1.723 triệu đồng)

* Số kinh phí tiết kiệm được Quý IV/2025: 92 triệu đồng (trong đó Văn phòng Sở: 92 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 0 đồng). Lũy kế năm 2025: 531 triệu đồng (trong đó Văn phòng Sở: 395 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 136 triệu đồng)

- Tiết kiệm chi quỹ lương Quý IV/2025: 0 đồng lũy kế năm 2025: 0 triệu đồng

- Tiết kiệm các khoản chi khác Quý IV/2025: 92 triệu đồng (trong đó Văn phòng Sở: 92 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 0 đồng). Lũy kế năm 2025: 531 triệu đồng (trong đó Văn phòng Sở: 395 triệu đồng; Cảng vụ đường thủy nội địa: 136 triệu đồng)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế: Không

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước, văn phòng phẩm, mua sắm tài sản...

Đơn vị Văn phòng sở tiết kiệm quý IV/2025: 92 triệu đồng/quý, so với dự toán giao: 0.45%, lũy kế năm 2025: 395 triệu đồng/12 tháng; thực hiện tiết kiệm được 2,6 triệu đồng/người/12 tháng.

Thu nhập bình quân cao nhất: 19 triệu đồng /người/12tháng; bình quân thấp nhất: 6 triệu đồng/người/12tháng (bao gồm tiền lễ, thu nhập tăng thêm)

- Số đơn vị Văn phòng Sở thực hiện tiết kiệm được kinh phí quý IV: 92 triệu đồng/quý, lũy kế năm 2025: 395 triệu đồng thực hiện tiết kiệm được 2,6 triệu đồng/người/12 tháng.

Đơn vị Cảng vụ đường thủy nội địa tiết kiệm quý IV/2025: 0 triệu đồng, lũy kế năm 2025: 136 triệu đồng/ 12 tháng.

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 0.066%

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao thấp nhất: 7,1 triệu đồng/12 tháng

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất: 3,5 triệu đồng/12 tháng

*** Kinh phí cải cách tiền lương tự chủ (14-341) số tiền: 9.853 triệu đồng, thực hiện 12 tháng 8.411 triệu đồng.**

- Kinh phí giảm điều chuyển về thanh tra tỉnh nguồn cải cách tiền lương tự chủ (14-341) 25 công chức số tiền: **1.322 triệu đồng**

- Kinh phí giảm điều chuyển về Cảng vụ đường thủy nội địa nguồn cải cách tiền lương tự chủ (09 công chức) số tiền: **120 triệu đồng**

*** Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (18-341) số tiền: 1.476 triệu đồng, thực hiện 12 tháng đầu năm: 1.174 triệu đồng**

- Kinh phí giảm điều chuyển về thanh tra tỉnh nguồn thực hiện chế độ khen thưởng (25 công chức) số tiền: 271 triệu đồng

- Kinh phí giảm điều chuyển về Cảng vụ đường thủy nội địa nguồn thực hiện chế độ khen thưởng (09 công chức) số tiền: 31 triệu đồng

*** Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ văn phòng sở : 423.174 triệu đồng**

- Kinh phí năm trước chuyển sang: **23.996 triệu đồng**

- Kinh phí cấp đầu năm và cấp bổ sung: **399.178 triệu đồng**

- Kinh phí nguồn không tự chủ (12-341) thực hiện bảo trì, sửa chữa hệ thống đường tỉnh, các nhiệm vụ đặc thù: 10.869 triệu đồng. Thực hiện trong năm 2025: 837 triệu đồng.

- Kinh phí giảm điều chuyển về thanh tra tỉnh nguồn không tự chủ (12-341) trang phục TTGT (25 công chức) số tiền: **189 triệu đồng**

- Kinh phí giáo dục, đào tạo và dạy nghề không giao tự chủ (085-341): 703 triệu đồng. Thực hiện trong năm 2025: 703 triệu đồng

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-292): 180.416 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 180.102 triệu đồng.

- Kinh phí giảm điều chuyển về thanh tra tỉnh nguồn không tự chủ (12-292) trang phục TTGT (25 công chức) số tiền: **314 triệu đồng**

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-338): 5.248 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025 số tiền: 5.2487 triệu đồng.

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-297): 98.901 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 98.901 triệu đồng

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (13-314): 99 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 99 triệu đồng.

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-332): 3.261 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 3.261 triệu đồng.

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-341): 97.041 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 97.041 triệu đồng.

-Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-281): 81 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 81 triệu đồng.

-Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-292): 40 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 40 triệu đồng.

-Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-428): 88.794 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 88.734 triệu đồng.

-Kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn không tự chủ (12-428): 2.427 triệu đồng thực hiện Thực hiện trong năm 2025: 2.367 triệu đồng.

Kinh phí giảm điều chuyển về Cảng vụ đường thủy nội địa nguồn không tự chủ (12-428) Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức, người lao động sau khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025(09 công chức) số tiền: 60 triệu đồng

*** Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ Cảng vụ ĐTNĐ: 113 triệu đồng.**

Kinh phí mua sắm trang phục ngành: Dự toán giao: 113 triệu đồng.

- Số kinh phí thực hiện Quý IV/2025: 15,1 triệu đồng; lũy kế năm 2025: 113 triệu đồng.

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung: Không có

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong:

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính:

Đầu năm mỗi đơn vị trực thuộc điều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng kinh phí trên cơ sở được giao theo đúng luật ngân sách quy định.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần: đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần: 01 đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,5 lần:

- Đơn vị có người có TNTT cao nhất là: 7,1 triệu đồng/12 tháng

- Đơn vị có người có TNTT thấp nhất là: 2,6 triệu đồng/12 tháng

- Trích Quỹ và các khoản chi khác Quý IV/2025: Không có

Trong đó:

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: Không

+ Chi phúc lợi, khen thưởng Quý IV/2025: Không có

+ Các khoản chi khác Quý IV/2025: Không có

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

Với số kinh phí được giao, đơn vị luôn thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đã chủ động lập kế hoạch phân bổ kinh phí hoạt động từ đầu năm cân đối các nguồn chi tiêu tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Đồng thời nhắc nhở các cán bộ công chức, người lao động sử dụng tiết kiệm điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm,....

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lưu VT; KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Việt Bắc

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ XÂY DỰNG

**PHỤ LỤC TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
THEO NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV LŨY KẾ NĂM 2025**
(Kèm theo Báo cáo số 299/BC-SXD ngày 10 tháng 12 năm 2025)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Đơn Vị	Biên Chế			Kinh phí tiết kiệm được (12 tháng)		Kinh phí tiết kiệm dùng để chia thu nhập (12 tháng)			Thu nhập tăng thêm người/12tháng			Hệ số thu nhập tăng thêm				Ghi Chú	
		Đượ c giao	Có Mặt	Tiết Kiệm	Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Thu nhập BQ/ người / 12 tháng	Người có thu nhập bình quân cao nhất/ 12tháng	Người có thu nhập bình quân thấp nhất/ 12tháng	Dưới 1 lần	Từ trên 1-2	Từ trên 2-3		Từ trên 3-4
						Từ nguồn NSNN (Nguồn tự chủ)	Tự nguồn thu phí được để lại, thu khác		Nguồn NSNN	Nguồn phí								
A	B	1	2	3=2-1	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																		
I	Quản lý hành chính	243	170	73	531	531		531	531		9,7	9,7	3,5		x			
1	Văn phòng Sở	222	151	71	395	395	0	395	395	0	2,6	2,6			x			
2	Cảng Vụ Đường thủy nội địa	21	19	2	136	136	0	136	136	0	7,1	7,1	3,5		x			